

TÒA ÁN NHÂN DÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TỈNH ĐẮK LẮK

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 307/2019/HS-PT

Ngày 23-10-2019.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hằng.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Chung.

Ông Y Phi Kbuôr.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai Loan - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông Dương Văn Đức - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 314/2019/TLPT-HS ngày 25 tháng 9 năm 2019 đối với bị cáo Lê Thành C về tội “*Trộm cắp tài sản*”, do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 214/2019/HS-ST ngày 15 tháng 8 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

- Bị cáo có kháng cáo:

Họ và tên: **Lê Thành C** (Tên khác: C bộ đội), sinh năm 1982, tại tỉnh Đắk Lắk; nơi cư trú: Đường N, phường L, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Phật giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn L1 và bà Đào Thị T1; có vợ Nông Thị H và có 01 con sinh năm 2010; tiền sự: Không, tiền án: Có 02 tiền án.

- Tại bản án số 162/2008/HSST ngày 11/6/2008 bị Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột xử phạt 02 năm 06 tháng tù về tội “*Trộm cắp tài sản*”. Ngày 20/10/2009 chấp hành xong hình phạt tù, chưa được xóa án tích.

- Tại bản án số 268/2010/HSST ngày 16/01/2010 bị Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột xử phạt 07 năm 06 tháng tù về tội “*Cướp tài sản*” và 09 tháng tù về tội “*Trộm cắp tài sản*”. Tổng hợp hình phạt chung của hai tội là 08 năm 03 tháng tù. Ngày 16/01/2018 chấp hành xong hình phạt tù, chưa được xóa án tích.

Nhân thân:

- Ngày 17/7/2003 bị Ủy ban nhân dân thành phố B ra Quyết định số: 1789/2003/QĐ-UB về việc đưa vào cơ sở chữa bệnh tại Trung tâm Giáo dục lao

động xã hội tỉnh Đắk Lắk, thời hạn 24 tháng về hành vi Sử dụng trái phép chất ma túy.

- Tại bản án số 65/2006/HSST ngày 06/10/2006 bị Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột xử phạt 09 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”.

Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 10/5/2019. Hiện đang tạm giam - Có mặt tại phiên tòa.

- *Bị hại:* Chị Hoàng Thị T, sinh năm 1991; trú tại: Đường C1, phường L, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk - Vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Anh Đỗ Minh T2, sinh năm 1985; trú tại: Đường X, phường A, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk – Vắng mặt.

2. Bà Đào Thị T3, sinh năm 1954; trú tại: Đường N, phường L, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk – Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 08 giờ ngày 06/5/2019, Lê Thành C điều khiển xe máy biển số 47FA-2121 đi đến tiệm bánh mì P, địa chỉ: Đường C1, phường L, thành phố B để mua bánh mì. Tại đây, C thấy tiệm bánh mì mở cửa và không có người trông coi nên đã vào trong tiệm bánh mì lén lút lấy trộm 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6S Plus, dung lượng 64GB của chị Hoàng Thị T để trên nóc tủ lạnh. Sau đó C đến tiệm cầm đồ địa chỉ: Đường D, phường E, thành phố B bán chiếc điện thoại trên cho anh Đỗ Minh T2 (Chủ tiệm), được số tiền 700.000 đồng, C mua ma túy sử dụng và đã tiêu xài cá nhân hết.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 129/KLĐG ngày 21/5/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố B, kết luận: 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6S Plus, dung lượng 64GB (Vỏ điện thoại là Iphone 7, màu vàng) trị giá 6.200.000 đồng.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 214/2019/HS-ST ngày 15/8/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, đã quyết định:

Tuyên bố: Bị cáo Lê Thành C (Tên khác: C bộ đội) phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173; điểm h, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự;

Xử phạt bị cáo Lê Thành C (Tên khác: C bộ đội) 03 (Ba) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam, ngày 10/5/2019.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Ngày 16/8/2019, bị cáo Lê Thành C kháng cáo bản án hình sự sơ thẩm với nội dung xin được giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như bản án sơ thẩm và giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Quá trình tranh luận tại phiên tòa phúc thẩm, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk đã đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội, hậu quả gây ra đối với hành vi phạm tội của bị cáo Lê Thành C và cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo điểm g khoản 2 Điều 173 của Bộ luật hình sự là có căn cứ. Mức hình phạt 03 năm tù mà Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng cho bị cáo là phù hợp, tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo gây ra. Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo và tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo không cung cấp thêm tình tiết giảm nhẹ nào mới. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo khai nhận: Sau khi trộm cắp chiếc điện thoại di động của chị Hoàng Thị T, bị cáo cùng đối tượng tên T4 (không rõ họ tên, địa chỉ nhưng nghe thông tin T4 đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố B) đi bán chiếc điện thoại di động và cùng nhau đi mua ma túy để sử dụng. Do vậy, Viện kiểm sát kiến nghị Cơ quan điều tra tiếp tục xác minh làm rõ đối tượng tên T4, nếu có căn cứ thì xử lý theo quy định của pháp luật.

Bị cáo không tranh luận, bào chữa gì, chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phúc thẩm là phù hợp với lời khai của bị cáo tại phiên tòa sơ thẩm, tại Cơ quan điều tra, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, đã đủ căn cứ pháp lý kết luận: Vào khoảng 08 giờ ngày 06/5/2019, Lê Thành C đã thực hiện hành vi trộm cắp tài sản là 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6S Plus, dung lượng 64GB của chị Hoàng Thị T tại tiệm bánh mì P, địa chỉ: Đường C1, phường L, thành phố B, tài sản trộm cắp có giá trị 6.200.000 đồng. Bị cáo là người có đầy đủ nhận thức và năng lực hành vi để biết được hành vi phạm tội của bị cáo không những trực tiếp xâm hại trái pháp luật đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, mà còn gây ảnh hưởng xấu về nhiều mặt cho xã hội, gây mất trật tự trị an ở địa phương. Nhưng do ý thức coi thường pháp luật, bị cáo đã thực hiện hành vi phạm tội. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo Lê Thành C về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo

điểm g khoản 2 Điều 173 của Bộ luật hình sự là có căn cứ, đảm bảo đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[2] Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy: Mức hình phạt 03 năm tù bản án sơ thẩm đã xử phạt đối với bị cáo là phù hợp, tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo gây ra. Bởi lẽ, bị cáo có nhân thân xấu, đã từng bị đưa vào cơ sở chữa bệnh tại Trung tâm Giáo dục lao động xã hội tỉnh Đắk Lắk, thời hạn 24 tháng về hành vi Sử dụng trái phép chất ma túy và tại bản án số 65/2006/HSST ngày 06/10/2006 bị Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột xử phạt 09 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, đã được xóa án tích. Bị cáo còn có 02 tiền án tại bản án số 162/2008/HSST ngày 11/6/2008 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột xử phạt 02 năm 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” và bản án số 268/2010/HSST ngày 16/01/2010 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột xử phạt 07 năm 06 tháng tù về tội “Cướp tài sản” và 09 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, tổng hợp hình phạt chung của hai tội là 08 năm 03 tháng tù, chưa được xóa án tích, tức bị cáo phạm tội với tình tiết định khung tăng nặng “Tái phạm nguy hiểm” quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự, nhưng bị cáo không lấy đó làm bài học để tu dưỡng, rèn luyện bản thân mà còn tiếp tục phạm tội. Khi quyết định hình phạt, bản án sơ thẩm đã áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà bị cáo được hưởng như thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải và phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn. Sau khi xét xử sơ thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, bị cáo không cung cấp thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nào mới. Vì vậy, Hội đồng xét xử không có căn cứ chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm về phần hình phạt.

[3] Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo khai nhận: Sau khi trộm cắp chiếc điện thoại di động của chị Hoàng Thị T, bị cáo cùng đối tượng tên T4 (không rõ họ tên, địa chỉ nhưng nghe thông tin T4 đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố B) cùng nhau đi bán chiếc điện thoại di động và đi mua ma túy để sử dụng. Do vậy, kiến nghị Cơ quan điều tra tiếp tục xác minh làm rõ đối tượng tên T4, nếu có căn cứ thì xử lý theo quy định của pháp luật.

[4] Về án phí hình sự phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên bị cáo Lê Thành C phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 của Bộ luật tố tụng hình sự; Áp

dụng điểm g khoản 2 Điều 173; các điểm h, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự; điểm a khoản 2 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án,

[2] Không chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Lê Thành C. Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số: 214/2019/HS-ST ngày 15/8/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột về phần hình phạt.

Xử phạt bị cáo Lê Thành C (Tên khác: C bộ đội) 03 (Ba) năm tù về tội “*Trộm cắp tài sản*”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam, ngày 10/5/2019.

[3] Kiến nghị Cơ quan điều tra tiếp tục xác minh làm rõ đối tượng tên T4, nếu có căn cứ thì xử lý theo quy định của pháp luật.

[4] Về án phí: Bị cáo Lê Thành C phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự phúc thẩm.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND Cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk (02 bản);
- Phòng HSNV Công an tỉnh Đắk Lắk;
- Văn phòng CQCSĐT Công an tỉnh Đắk Lắk;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Đắk Lắk;
- Sở Tư pháp tỉnh Đắk Lắk;
- TAND Tp. Buôn Ma Thuột;
- VKSND Tp. Buôn Ma Thuột;
- Công an Tp. Buôn Ma Thuột;
- Chi cục THADS Tp. B;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Hằng